

Số: 06/2026/QĐST-VDS

Bắc Ninh, ngày 09 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
**V/v Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - BẮC NINH**

*Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

*Thư ký phiên họp:* Bà Ngô Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh tham gia phiên họp:* Bà Hà Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 06/2026/TLST-VDS ngày 16 tháng 3 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”.

Theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 06/2026/QĐST-VDS ngày 30 tháng 3 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1995

Nơi cư trú: Thôn C, xã T, tỉnh Bắc Ninh.

Hiện đang lao động tại Đài Loan.

- Chị Cù Thị H, sinh năm 1999

Nơi cư trú: Thôn C, xã T, tỉnh Bắc Ninh.

Hiện đang lao động tại Đài Loan.

*2. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1968

- Bà La Thị B, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã T, tỉnh Bắc Ninh.

*(Anh N1, chị H, ông M, bà B vắng mặt và xin vắng mặt).*

Anh Nguyễn Văn N, chị Cù Thị H, ông Nguyễn Văn M, bà La Thị B ủy quyền cho anh Nguyễn Thanh H1, sinh năm 2005; nơi cư trú: Tổ dân phố B,

phường V, tỉnh Bắc Ninh; số căn cước công dân: 024205001177 giao nhận tài liệu với Tòa án.

### **NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

*\* Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, người yêu cầu giải quyết việc dân sự là anh Nguyễn Văn N, chị Cù Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh N1 và chị H kết hôn với nhau vào năm 2023. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 16/03/2023 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là xã T, tỉnh Bắc Ninh). Sau khi kết hôn chị H về nhà anh N1 làm dâu và chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên sau kết hôn anh N1, chị H cùng đi lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu vợ chồng vẫn hòa thuận nhưng từ 20/8/2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian mâu thuẫn vợ chồng nhiều lần nói chuyện với nhau mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh chị xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Nay anh chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Bắc Ninh công nhận việc thuận tình ly hôn cho anh chị.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh N1 và chị H có 01 con chung là Nguyễn Thị Kiều G, sinh ngày 12/08/2021. Cháu G hiện đang sinh sống cùng ông M, bà B. Sau ly hôn, anh chị thỏa thuận giao cháu G cho chị Cù Thị H là người trực tiếp nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho ông M, bà B nuôi dưỡng cho đến khi chị H về nước sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: A, chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Ngọc, chị H thống nhất, thỏa thuận anh Ngọc C toàn bộ lệ phí giải quyết vụ việc hôn nhân gia đình theo quy định.

*\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M, bà La Thị B trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông bà nhất trí với trình bày của anh N1, chị H.

- Về con chung: Anh N1, chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Kiều G, sinh ngày 12/08/2021 hiện đang sinh sống cùng ông bà. Ông bà đồng ý thay chị H chăm sóc, nuôi dưỡng cháu G cho chị H cho đến khi chị H về nước sinh sống. Ông bà không yêu cầu anh N1, chị H phải cấp dưỡng nuôi cháu G. Ông bà xác định đây vừa là quyền, nghĩa vụ của ông bà đối với con cháu nên không yêu cầu anh N1, chị

H phải trích trả công sức chăm sóc, nuôi dưỡng cháu G từ trước đến nay và trong thời gian tới đây.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ: anh N1, chị H không có tài sản chung.

Tại phiên họp, anh Nguyễn Văn N, chị Cù Thị H, ông Nguyễn Văn M, bà La Thị B đều vắng mặt và có ý kiến xin vắng mặt. Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp công bố lời khai của anh N, chị H, ông M, bà B và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh tham gia phiên họp phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết việc hôn nhân gia đình: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết việc hôn nhân gia đình và tại phiên họp tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết việc hôn nhân gia đình: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn N và chị Cù Thị H.

Về con chung: Giao chị Cù Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Kiều G, sinh ngày 12/08/2021 nhưng tạm giao cho ông Nguyễn Văn M, bà La Thị B trực tiếp nuôi dưỡng cháu G cho đến khi chị H về nước sinh sống.

Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân gia đình: Anh N phải chịu 300.000 đồng tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không có

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh nhận định:

[1] Về quan hệ việc dân sự: Anh Nguyễn Văn N và chị Cù Thị H có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ việc dân sự về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Văn N, chị Cù Thị H có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã T, tỉnh Bắc Ninh. Căn cứ quy định tại Điều 35 và điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm

vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân thì Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh có thẩm quyền giải quyết.

[3] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên họp, người yêu cầu giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có ý kiến xin vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp theo thủ tục chung.

[4] Về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Văn N và chị Cù Thị H:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn N và chị Cù Thị H kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là xã T, tỉnh Bắc Ninh) ngày 16/3/2023. Do vậy, xác định hôn nhân giữa anh N và chị H là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân từ tháng 8/2023. Nay vợ chồng đều xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn nên cùng đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy anh N, chị H không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên công nhận thuận tình ly hôn giữa anh N, chị H là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 3 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Quá trình chung sống, anh N, chị H có 01 con chung là Nguyễn Thị Kiều G, sinh ngày 12/08/2021. Cháu G hiện đang sinh sống cùng ông M, bà B. Sau ly hôn, anh chị thỏa thuận giao cháu G cho chị Cù Thị H là người trực tiếp nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho ông M, bà B nuôi dưỡng cho đến khi chị H về nước sinh sống. Do đó, cần giao con chung là Nguyễn Thị Kiều G cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do chị H đang làm việc ở nước ngoài nên tạm giao con chung cho ông M, bà B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi chị H về nước sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh N1, chị H, ông M, bà B không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Anh N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc

buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[4.3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Nguyễn Văn N và chị Cù Thị H đều xác định không có tài sản chung, không có công nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về lệ phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Nguyễn Văn N và chị Cù Thị H phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Anh N và chị H thỏa thuận anh N chịu cả tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự nên cần chấp nhận thỏa thuận của anh N và chị H.

[6] Về quyền kháng cáo: Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 371 Bộ luật Tố tụng dân sự.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 149, khoản 2 và khoản 3 Điều 367, Điều 370 và Điều 371 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án; Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 3 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn N và chị Cù Thị H: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn N và chị Cù Thị H.

2. Về con chung: Giao chị Cù Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Kiều G, sinh ngày 12/08/2021 nhưng tạm giao con chung là Nguyễn Thị Kiều G cho ông Nguyễn Văn M, bà La Thị B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi chị H về nước sinh sống.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét, giải quyết.

Anh Nguyễn Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

3. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 18 ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Anh Nguyễn Văn N đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 4 - Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 4 - Bắc Ninh;
- UBND xã Trường Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**



**Nguyễn Thị Kim Dung**